

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ'
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 01- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ', TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Huyền

2. Ông Nguyễn Việt Hưng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 231/2021/TLST - HNGĐ, ngày 24/11/2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 20/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mã Văn H, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Vi Thị L, sinh năm 1991 (Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm N, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Mã Văn H trình bày: Tôi và chị Vi Thị L kết hôn năm 2011, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà tôi tại xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, vợ chồng không ai có tài sản riêng.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, đến đầu năm 2019 thì chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, tôi có gọi chị L về nhưng chị L không về. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 tới nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau, đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị L có 02 con chung:

1. Mã Thị U, sinh ngày 06/01/2013
2. Mã Thị K, sinh ngày 01/01/2016.

Hiện tại cháu U đang ở với tôi, còn cháu K đang ở với chị L. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cháu U, tôi nhất trí để chị L nuôi cháu K. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết do mỗi người đã nuôi 01 con chung.

Về tài sản: Tôi và chị L không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai chung nên không đề nghị gì.

Lời khai của bị đơn chị Vi Thị L trình bày: Tôi và anh Mã Văn H kết hôn năm 2011, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà anh H xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi về bên nhà mẹ đẻ sinh sống, mặt khác anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác, tôi cũng biết điều đó và cũng đồng ý để anh H lấy người phụ nữ đó. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tôi vẫn liên lạc với anh H, anh H xin ly hôn tôi không đồng ý.

Về con chung: Tôi và anh H có 02 con chung:

1. Mã Thị U, sinh ngày 06/01/2013
2. Mã Thị K, sinh ngày 01/01/2016.

Hiện cháu U đang ở với anh H, còn cháu K đang ở với tôi. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cháu K, tôi nhất trí để anh H nuôi cháu U. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi và chị L không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai chung nên không đề nghị gì.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn anh H giao nộp gồm:

01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Mã Văn H và Vi Thị L (bản chính), 02 Giấy khai sinh của con chung mang tên Mã Thị U và Mã Thị K (bản sao); 01 Giấy chứng minh nhân dân của Mã Văn H (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu chủ hộ Mã Văn H (bản sao), 01 Đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết vụ án ly hôn; Chị L không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh H vẫn giữ nguyên đề nghị xin ly hôn với chị Vi Thị L. Về con chung anh H có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mã Thị U và đề nghị giao cho chị L nuôi cháu Mã Thị K. Về tài sản, anh H xác định không có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét. Chị L vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình

năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho anh Mã Văn H được ly hôn chị Vi Thị L

+ Về con chung: Giao con chung Mã Thị U, sinh ngày 06/01/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Mã Thị K, sinh ngày 01/01/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét do đương sự không yêu cầu. Về quyền thăm nom con chung: Anh H, chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên chị Lý vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt do đường xa, dịch bệnh Covid-19, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Vi Thị L hiện đang sinh sống tại Thôn N, xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, chị Lý và anh H đã có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để giải quyết vụ án ly hôn nên việc Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa chị Vi Thị L vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị L là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Mã Văn H và chị Vi Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phía anh H cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cãi chửi nhau. Đến năm 2019 thì chị L bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh có gọi nhưng chị L không về, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại phiên tòa anh vẫn giữ nguyên quan điểm, anh cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, chị L không về nhà để vợ chồng hàn gắn cuộc sống. Phía chị L cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ

chồng sống hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 8/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn anh Hòa có mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị cũng biết và nhất trí, tuy nhiên chị xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, không nhất trí ly hôn nhưng chị không có phương án nào để hòa giải thuyết phục anh H về đoàn tụ để hàn gắn cuộc sống vợ chồng, chị cũng không về nhà anh H để vợ chồng hàn gắn cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh H và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ năm 2019 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của anh H là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của anh H, cho anh Mã Văn H được ly hôn chị Vi Thị L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cả anh H và chị L đều xác định vợ chồng có 02 con chung:

1. Mã Thị U, sinh ngày 06/01/2013.
2. Mã Thị K, sinh ngày 01/01/2016.

Hiện nay cháu U đang sinh sống cùng với anh H và gia đình anh H tại xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Cháu K đang sinh sống cùng với chị L và gia đình chị L tại xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi cháu U và đề nghị giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Phía chị L cũng nhất trí với ý kiến của anh H về việc nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu U đang sinh sống cùng với anh H tại xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; cháu K đang sinh sống cùng với chị L tại xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Tại đơn đề nghị về nguyện vọng của con chung cháu U xin được ở với anh H. Xét thấy nguyện vọng của anh H, chị L là có căn cứ nên cần giao con chung Mã Thị U, sinh ngày 06/01/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Mã Thị K, sinh ngày 01/01/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không xem xét do đương sự không đề nghị.

Về quyền thăm nom con chung: Anh H, chị L được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết cả anh H và chị L xác định không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai và không ý kiến gì nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mã Văn H, cho anh H được ly hôn chị Vi Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung Mã Thị U, sinh ngày 06/01/2013 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao con chung Mã Thị K, sinh ngày 01/01/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp anh H, chị L có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh H, chị L được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003812, ngày 24/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã V;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÀO NGỌC HÀI